BAC A BANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 30 tháng 12 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng TMCP Bắc Á

Căn cứ quy định tại Điều 49 Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2024 về việc công bố công khai thông tin về cổ đông sở hữu từ 1% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng, trên cơ sở thông tin do cổ đông cung cấp, Ngân hàng TMCP Bắc Á công bố thông tin cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của BAC A BANK như sau:

STT	Họ và tên cổ đông	Thông tin về sở hữu cổ phần của cổ đông		Thông tin về sở hữu cổ phần của Người có liên quan của cổ đông	
		Số lượng cổ phần tại BAC A BANK	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại BAC A BANK (%)	Số lượng cổ phần tại BAC A BANK	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại BAC A BANK (%)
1.	Cao Hoài Đức	15.509.609	1,546	0	0
2.	Hoàng Ngọc Hoà	25.402.025	2,532	62.201.235	6,200
3.	Thái Doãn Năm	15.058.861	1,501	27.372.614	2,728
4.	Nguyễn Đình Sơn	25.405.294	2,532	0	0
5.	Hoàng Thị Ngọc Huyền	10.543.562	1,051	77.059.698	7,681
6.	Nguyễn Đăng Hùng	13.486.683	1,344	9.907.724	0,988
7.	Thái Thị Hoa	13.858.705	1,381	28.572.770	2,848
8.	Nguyễn Duy Hưng	15.378.192	1,533	19.502.584	1,944
9.	Nguyễn Hồng Tiến	16.991.422	1,694	77.433.700	7,719

STT	Họ và tên cổ đông	Thông tin về sở hữu cổ phần của cổ đông		Thông tin về sở hữu cổ phần của Người có liên quan của cổ đông	
		Số lượng cổ phần tại BAC A BANK	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại BAC A BANK (%)	Số lượng cổ phần tại BAC A BANK	Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại BAC A BANK (%)
10.	Trần Thị Thoảng	31.175.561	3,108	14.452.241	1,441
11.	Nguyễn Thị Linh	11.611.889	1,158	78.858.232	7,861
12.	Nguyễn Văn Danh	29.685.670	2,959	60.386.743	6,019
13.	Thái Đình Bảy	14.193.616	1,415	0	0
14.	Nguyễn Thị Hảo	10.231.189	1,020	0	0
15.	Nguyễn Công Lưu	11.088.056	1,105	0	0
16.	Thái Hương	43.639.002	4,350	157.514.899	15,701
17.	Nguyễn Thị Hồng	17.323.267	1,727	0	0
18.	Đào Đình Phát	14.452.241	1,441	31.175.561	3,108
19.	Nguyễn Hữu Nguyên	20.238.558	2,017	0	0
20.	Trần Thị Lý	15.590.269	1,554	31.240.850	3,115
21.	Nguyễn Trọng Trung	35.956.294	3,584	62.136.983	6,194
22.	Thái Thị Nhung	14.290.866	1,425	3.525.088	0,351
23.	Nguyễn Tất Huy	22.497.564	2,243	0	0
24.	Nguyễn Tất Thành	13.668.257	1,362	1.164.293	0,116
25.	Trần Thị Phương Thảo	10.736.578	1,070	0	0
26.	Thái Doãn Đức	11.384.292	1,135	0	0